

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2020/HS-ST

Ngày: 08-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan;

Bà Nguyễn Đăng Khánh Phụng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê T, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1994, tại Hải Phòng; Hộ khẩu thường trú: đường N, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: đường N, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh B, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1963; có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ.(Có mặt)

2. Nguyễn Thanh B, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1981, tại Hải Phòng; Hộ khẩu thường trú: đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: đường N, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh S (chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1945; vợ: Nguyễn Thị Lan A (đã ly hôn); có 02 con, sinh năm 2007 và 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ,

tạm giam từ ngày 25/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. (Có mặt).

3. Hoàng Xuân T1, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1992, tại Yên Bái; Hộ khẩu thường trú: đường P, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: đường P, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân C, sinh năm: không rõ và bà Hoàng Thị Thanh D, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ; (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Nhã K, sinh năm 1989; Nơi cư trú: đường K, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

2. Chị Phan Thị Thanh Q, sinh năm 1984; Nơi cư trú: đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

3. Ông Đỗ Phú M, sinh năm 1958; Nơi cư trú: đường T, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

4. Chị Trần Thị Lệ T2, sinh năm 1974; Nơi cư trú: đường T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

5. Anh Trương Tất T3, sinh năm 1980; Nơi cư trú: đường T, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt)

6. Anh Nguyễn Đình Việt Q, sinh năm 1987; Nơi cư trú: đường T, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

7. Chị Huỳnh Thị Kim T4, sinh năm 1980; Nơi cư trú: đường M, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1983; Nơi cư trú: 28/1 Nguyễn Viết Xuân, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; (Có mặt)

9. Anh Kiều Văn D, sinh năm 1982; Nơi cư trú: đường P, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

10. Chị K'N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: đường H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

11. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Khu tập thể trại g, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

12. Bà La Thị T6, sinh năm 1959; Nơi cư trú: đường M, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017, Lê T từ Hải Phòng vào thành phố Đ và ở tại nhà đường N, phường E, thành phố Đ tổ chức cho vay tiền trả góp cào gậy và lãi theo ngày để kiếm tiền lời với lãi suất giao động từ 15%/ tháng đến 208%/tháng. Đến khoảng thời gian tháng 10/2019, Lê T gọi điện thoại rủ Nguyễn Thanh B và Hoàng Xuân T1 cùng ở Hải Phòng vào thành phố Đ phụ giúp việc cho vay. T trả công cho T1 mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu) đồng, còn Nguyễn Thanh B thì có góp vốn cho Lê T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để cùng T thực hiện hành vi cho vay và thỏa thuận là T sẽ gửi về cho gia đình của B số tiền từ 3.000.000 đồng- 4.000.000 đồng/tháng để lo cho gia đình của B. T1 và B đi dán các tờ rơi quảng cáo trên các trục đường tại thành phố Đ. Sau khi có người vay tiền liên hệ thì T1 và B đi đến nhà xác minh địa chỉ của người vay và người vay phải thể chấp các giấy tờ cá nhân như chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy phép lái xe... để được duyệt vay tiền. Số tiền mà nhóm của bị cáo T cho mỗi người vay giao động từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, hình thức trả góp cả gốc và lãi hàng ngày cho đến khi tất toán xong khoản vay. Nhóm của T đặt ra yêu cầu với người vay tiền phải chịu 10% phí hồ sơ tương đương khoản tiền đã vay và 01 ngày trả góp là tiền xăng xe. Vào cuối giờ chiều T1 và B sẽ đi thu tiền của người vay rồi mang về giao lại cho T. Để quản lý và theo dõi hoạt động cho vay, T đã mua phần mềm có tên “*Quản lý cầm đồ Buzzpro-2.9.6.4*” và cài trên máy tính hiệu Asus màu bạc của T. Việc chi tiêu, quản lý tiền bạc do T trực tiếp quản lý. Qua trích sao phần mềm quản lý trong máy tính và thông tin người vay trên các điện thoại di động đã thu giữ của các bị cáo xác định nhóm của T đã cho tổng cộng 43 người vay tiền, trong đó xác định được 12 người vay tiền của T với tổng số tiền sử dụng vào việc cho vay là 326.000.000 (ba trăm hai mươi sáu triệu) đồng, với lãi suất giao động từ 20%/ tháng đến 140%/tháng và thu lợi bất chính tổng số tiền là 143.919.055 (một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng (gồm 107.630.055 đồng tiền lãi vượt quá quy định và 36.289.000 đồng tiền phí hồ sơ và xăng xe), cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Nhã K đã vay của nhóm Lê T03 lần cụ thể:

Lần 1: Khoảng thời gian tháng 11/2019, chị K gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh B để vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, góp trong 24 ngày. Số tiền thực nhận là 4.250.000 đồng (do đã trừ 10% tiền phí hồ sơ tương đương 500.000 đồng và 250.000 đồng tiền xăng xe tương đương 01 ngày góp), lãi suất là 51,47%/01 tháng, khoản vay này chị K đã tất toán xong số tiền 6.000.000 đồng (gốc là 3.961.165 đồng và lãi là 2.038.835 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 65.775 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.973.080 đồng tiền lãi và 750.000 đồng phí hồ sơ và xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền mà chị K phải thanh toán cho khoản vay này là 4.320.833 đồng (4.250.000 đồng x 1,667%/tháng x 24 ngày) nên chị K còn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 294.000 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 02/2020, chị K gọi điện thoại cho Hoàng Xuân T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, số tiền thực nhận 4.300.000 đồng (đã trừ 700.000 đồng tiền phí hồ sơ và xăng xe), lãi suất

39,53%/ tháng. Chị K đã trả được 21 ngày với số tiền 4.200.000 đồng (gốc là 3.010.000 đồng và lãi là 1.190.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 49.966 đồng). Chị K còn thiếu của nhóm T theo thỏa thuận là 1.800.000 đồng. Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.140.034 đồng tiền lãi và 700.000 đồng phí hồ sơ và xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền mà chị K phải thanh toán cho khoản vay này là 4.371.667 đồng ($4.300.000 \text{ đồng} \times 1,667\%/ \text{tháng}$) nên chị K còn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 1.311.701 đồng.

Lần 3: Khoảng tháng 03/2020, chị K gọi điện thoại cho T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ nhận 2.500.000 đồng (do nhóm T đã trừ số tiền nợ lần 2 là 1.800.000 đồng, 500.000 đồng tiền phí hồ sơ, 200.000 đồng tiền xăng xe), trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 140%/ tháng. Chị K đã trả gốc và lãi được 19 ngày với số tiền 3.800.000 đồng (gốc là 1.583.333 đồng, và lãi là 2.216.667 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 26.283 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 2.190.383 đồng tiền lãi và 700.000 đồng phí hồ sơ và xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền mà chị K phải thanh toán cho khoản vay này là 2.541.667 đồng ($2.500.000 \text{ đồng} \times 1,667\%/ \text{tháng}$) nên chị K còn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 932.000 đồng.

Tổng số tiền nhóm bị cáo T sử dụng cho chị K vay là 13.200.000 đồng, số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 5.303.497 đồng tiền lãi và 2.150.000 đồng tiền phí hồ sơ và xăng xe. Tổng số tiền chị K còn phải thanh toán theo quy định là 2.537.664 đồng.

2. Chị Phan Thị Thanh Q vay của nhóm Lê T 02 lần cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 11/2019, chị Q gọi cho B vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng thực nhận chỉ 18.000.000 đồng (đã trừ 2.000.000 đồng tiền phí hồ sơ), vay trong 30 ngày, mỗi ngày góp 800.000 đồng, lãi suất là 33.33%/tháng. Chị Q đã trả xong khoản vay gốc và lãi là 24.000.000 đồng (gốc là 18.000.000 đồng và lãi là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 298.800 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 5.701.200 đồng tiền lãi và 2.000.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Lần 2: Khoảng tháng 02/2020, chị Q tiếp tục vay của B số tiền 20.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ nhận 18.000.000 đồng (trừ 2.000.000 đồng tiền phí), góp 30 ngày, mỗi ngày 800.000 đồng, chị Q đã trả góp được 25 ngày với số tiền 20.000.000 đồng (gốc là 15.000.000 đồng và lãi là 5.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 249.000 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 4.751.000 đồng tiền lãi và 2.000.000 đồng tiền phí hồ sơ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền mà chị Q phải thanh toán cho khoản vay này là 18.300.000 đồng ($18.000.000 \text{ đồng} \times 1,667\%/ \text{tháng}$) nên chị Q còn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 3.051.000 đồng.

Tổng số tiền nhóm bị cáo T sử dụng cho chị Q vay là 40.000.000 đồng, số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 10.452.200 đồng tiền lãi và 4.000.000 đồng tiền phí hồ sơ. Số tiền chị Q còn phải thanh toán theo quy định ở lần vay thứ 2 là 3.051.000 đồng.

3. Ông Đỗ Phú M vay của nhóm T 04 lần cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 10/2019, ông M gọi cho T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng. Số tiền thực nhận là

4.750.000đồng (trừ phí tiền xăng xe 250.000đồng), lãi suất 39,47%/tháng. Khoản vay này ông M đã thanh toán là 6.250.000 đồng(gốc là 4.481.132 đồng và lãi là 1.768.868 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 74.387 đồng).Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.694.841 đồng tiền lãi và 250.000đồng tiền phí xăng xe.Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền mà ông M phải thanh toán cho khoản vay này là 4.829.167 đồng nên ông M còn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 273.648 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 11/2019 ông M gọi cho T1 vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000đồng. Số tiền thực nhận là 4.750.000đồng (trừ tiền xăng xe 250.000đồng, lãi suất 39,47%/tháng. Khoản vay này ông M đã thanh toán là 6.250.000 đồng(gốc là 4.481.132 đồng và lãi là 1.768.868 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 74.387 đồng).Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.694.841 đồng tiền lãi và 250.000đồng tiền phí xăng xe.Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền mà ông M phải thanh toán cho khoản vay này là 4.829.167 đồng nên ông M còn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 273.648 đồng.

Lần 3: Khoảng tháng 02/2020 ông M gọi cho B vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000đồng. Số tiền thực nhận là 4.750.000đồng (trừ tiền xăng xe 250.000đồng, lãi suất 39,47%/tháng. Khoản vay này ông M đã thanh toán là 6.250.000 đồng(gốc là 4.481.132 đồng và lãi là 1.768.868 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 74.387 đồng).Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.694.841 đồng tiền lãi và 250.000đồng tiền phí xăng xe.Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền mà ông M phải thanh toán cho khoản vay này là 4.829.167 đồng nên ông M còn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 273.648 đồng.

Lần 4: Khoảng tháng 03/2020, ông M gọi cho B vay số tiền 5.000.000đồng, thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000đồng. Số tiền thực nhận là 4.750.000đồng (trừ tiền xăng xe 250.000đồng), lãi suất 39,47%/tháng. Sau đó B nói T1 đưa tiền cho ông M. Khoản vay này ông M đã trả được 5 ngày với số tiền là 1.250.000đồng(gốc là 896.226 đồng và lãi là 353.774 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 14.877 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 338.896 đồng tiền lãi và 250.000đồng tiền phí xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà ông M phải thanh toán cho khoản vay này là 4.829.000 đồng nên ông M còn phải thanh toán số tiền là 3.918.000 đồng.

Tổng số tiền nhóm bị cáo T sử dụng cho ông M vay là 20.000.000 đồng, số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 5.422.340 đồng tiền lãi và 1.000.000đồng tiền phí xăng xe.Tổng số tiền ông M còn phải thanh toán theo quy định là 4.739.000 đồng.

4. Chị Trần Thị Lệ T2 vay của nhóm T 03 lần cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 11/2019, chị T2 gọi cho Lê T vay số tiền 5.000.000đồng, vay 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000đồng. Số tiền thực nhận là 4.450.000đồng (trừ tiền xăng xe 250.000đồng và 300.000đồng tiền phí hồ sơ), lãi suất 43,54%/tháng.Khoản vay này chị T đã thanh toán số tiền 6.000.000 đồng(gốc là 4.180.000 đồng và lãi là 1.819.961 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 69.389 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.750.572đồng tiền lãi và 550.000 đồng tiền phí hồ sơ,

xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị T phải thanh toán cho khoản vay này là 4.524.167 đồng nên chị T2 còn phải thanh toán số tiền là 274.739 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 02/2020, chị T2 gọi cho T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, vay 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.450.000 đồng (trừ tiền xăng xe 250.000 đồng và 300.000 đồng tiền phí hồ sơ), lãi suất 43,54%/tháng. Khoản vay này chị T2 đã trả được 20 ngày với số tiền 5.000.000 đồng (gốc là 3.483.366 đồng và lãi là 1.516.634 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 57.824 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.458.810 đồng và 550.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe. Chị T2 còn nợ lại 04 ngày theo thỏa thuận là 1.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay chị T2 phải thanh toán cho khoản vay này là 4.524.167 đồng nên chị T2 còn phải thanh toán số tiền là 983.000 đồng.

Lần 3: Cũng trong khoảng tháng 02/2020, chị T2 gọi cho T1 vay số tiền 5.000.000 đồng, vay 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 3.450.000 đồng (trừ tiền xăng xe 250.000 đồng, 300.000 đồng tiền phí hồ sơ và số tiền 1.000.000 đồng chị T2 còn thiếu ở lần thứ hai), lãi suất 92,39%/tháng. Khoản vay này chị T2 đã thanh toán số tiền 6.000.000 đồng (gốc là 3.118.644 đồng và lãi là 2.881.365 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 51.769 đồng). Số tiền nhóm T2 thu lợi bất chính là 2.829.586 đồng tiền lãi và 550.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị T2 phải thanh toán cho khoản vay này là 3.507.500 đồng nên chị T2 còn phải thanh toán số tiền là 337.000 đồng.

Tổng số tiền nhóm bị cáo T sử dụng cho chị T2 vay là 14.000.000 đồng, nhóm T thu lợi bất chính là 6.038.969 đồng tiền lãi và 1.650.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe. Tổng số tiền chị T2 còn phải thanh toán theo quy định là 1.594.800 đồng.

5. Anh Trương Tất T3 vay của nhóm Lê T 06 lần cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 11/2019, anh T3 vay số tiền 15.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng. Số tiền thực nhận là 12.900.000 đồng (trừ 1.500.000 đồng tiền phí hồ sơ; 600.000 đồng tiền xăng xe), lãi suất là 39,53%/tháng. Khoản vay này anh T3 đã trả xong với số tiền là 18.000.000 đồng (gốc là 12.900.000 đồng và lãi là 5.100.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 214.140 đồng), số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 4.885.860 đồng tiền lãi và 2.100.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe.

Lần 2: Khoảng tháng 12/2019, anh T3 vay số tiền 15.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng. Số tiền thực nhận là 12.900.000 đồng (trừ 1.500.000 đồng tiền phí hồ sơ; 600.000 đồng tiền xăng xe), lãi suất là 39,53%/tháng. Khoản vay này anh T3 đã trả xong với số tiền là 18.000.000 đồng (gốc là 12.900.000 đồng và lãi là 5.100.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 214.140 đồng), số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 4.885.860 đồng tiền lãi và 2.100.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe.

Lần 3: Khoảng tháng 01/2020, anh T3 vay số tiền 15.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng. Số tiền thực nhận là 12.900.000 đồng

(trừ 1.500.000 đồng tiền phí hồ sơ; 600.000 đồng tiền xăng xe), lãi suất là 39,53%/tháng. Khoản vay này anh T3 đã trả xong với số tiền là 18.000.000 đồng (gốc là 12.900.000 đồng và lãi là 5.100.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 214.140 đồng), số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 4.885.860 đồng tiền lãi và 2.100.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe.

Lần 4: Khoảng cuối tháng 01/2020, anh T3 vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, số tiền thực nhận là 4.250.000 đồng (trừ 500.000 đồng tiền phí hồ sơ và 250.000 đồng tiền phí xăng xe), lãi suất 51,47%/tháng. Khoản vay này T3 đã thanh toán được 20 ngày với số tiền 5.000.000 đồng (gốc là 3.300.971 đồng và lãi là 1.699.029 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 54.796 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.644.233 đồng tiền lãi và 750.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe. Anh T3 còn nợ lại 1.000.000 đồng theo thỏa thuận. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay anh T3 phải thanh toán cho khoản vay này là 4.320.000 đồng ($4.250.000 \text{ đồng} \times 1,667\%/\text{tháng} \times 24 \text{ ngày}$) nên anh T3 còn phải thanh toán số tiền là 965.000 đồng.

Lần 5: Khoảng tháng 02/2020, anh T3 vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, số tiền thực nhận là 3.250.000 đồng (trừ 1.000.000 đồng anh T3 nợ lần vay thứ 4, 500.000 đồng tiền phí hồ sơ và 250.000 đồng tiền xăng xe), lãi suất 105,7%/tháng. Khoản vay này T3 đã thanh toán được 20 ngày với số tiền 5.000.000 đồng (gốc là 2.429.907 đồng và lãi là 2.570.093 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 40.336 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 2.529.757 đồng tiền lãi và 750.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe. Anh T3 còn nợ lại 1.000.000 đồng theo thỏa thuận. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay anh T3 phải thanh toán cho khoản vay này là 3.304.167 đồng nên anh T3 còn phải thanh toán số tiền là 834.000 đồng.

Lần 6: Ngày 24/3/2020, anh T3 vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, số tiền thực nhận là 3.250.000 đồng (trừ 1.000.000 đồng anh T3 nợ ở lần vay thứ 4, phí hồ sơ 500.000 đồng và 250.000 đồng tiền xăng xe), lãi suất 105,7%/tháng. Khoản vay này T3 đã thanh toán được 02 ngày với số tiền 500.000 đồng (gốc là 242.991 đồng và lãi là 257,009 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 4.034 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 252.967 đồng tiền lãi và 750.000 đồng tiền phí hồ sơ, xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà anh T3 phải thanh toán cho khoản vay này là 3.304.167 đồng ($3.250.000 \text{ đồng} \times 1,667\%/\text{tháng} \times 24 \text{ ngày}$) nên anh T3 còn phải thanh toán số tiền là 2.804.167 đồng.

Tổng số tiền nhóm bị cáo T sử dụng cho anh T3 vay là 58.000.000 đồng, số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 19.084.564 đồng tiền lãi và 8.550.000 đồng tiền phí hồ sơ và xăng xe. Số tiền anh T3 còn phải thanh toán theo quy định là 4.603.167 đồng.

6. Anh Nguyễn Đình Việt Q vay của nhóm Lê T 06 lần, cụ thể.

Lần 1: Khoảng tháng 09/2019, anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng

(trừ 1.000.000 đồng tiền phí hồ sơ), lãi suất là 33,33%/ tháng. Khoản vay này anh Q đã thanh toán được 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng (gốc là 7.500.000 đồng và lãi là 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 124.500 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 2.375.500 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng phí hồ sơ. Anh Q còn nợ lại 05 ngày theo thỏa thuận là 2.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay anh Q phải thanh toán cho khoản vay này là 9.150.000 đồng nên anh Q còn phải thanh toán số tiền là 1.525.500 đồng.

Lần 2: Ngày 25/9/2019, anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Số tiền thực nhận là 7.000.000 đồng (trừ 2.000.000 đồng anh Q còn nợ của lần vay thứ 1 và 1.000.000 đồng tiền phí hồ sơ), lãi suất là 71,43%/tháng. Khoản vay này anh Q đã thanh toán được 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng (gốc là 5.833.333 đồng và lãi là 4.166.667 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 99.833 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 4.069.833 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng phí hồ sơ. Anh Q còn nợ lại 05 ngày theo thỏa thuận là 2.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay anh Q phải thanh toán cho khoản vay này là 7.116.667 đồng nên anh Q còn phải thanh toán số tiền là 11.186.500 đồng.

Lần 3: Ngày 20/10/2019 anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Số tiền thực nhận là 7.000.000 đồng (trừ 2.000.000 đồng anh Q còn nợ của lần vay thứ 2 và 1.000.000 đồng tiền phí hồ sơ), lãi suất là 71,43%/tháng. Khoản vay này anh Q đã thanh toán được 25 ngày gốc và lãi với số tiền 10.000.000 đồng (gốc là 5.833.333 đồng và lãi là 4.166.667 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 99.833 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 4.069.833 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng phí hồ sơ. Anh Q còn nợ lại 05 ngày theo thỏa thuận là 2.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay anh Q phải thanh toán cho khoản vay này là 7.116.667 đồng nên anh Q còn phải thanh toán số tiền là 11.186.500 đồng.

Lần 4: Ngày 15/11/2019, anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Số tiền thực nhận là 7.000.000 đồng (trừ 1.000.000 đồng tiền phí hồ sơ và 2.000.000 đồng anh Q còn nợ của lần vay thứ 3), lãi suất là 71,43%/tháng. Khoản vay này anh Q đã thanh toán xong gốc và lãi với số tiền 12.000.000 đồng (gốc là 7.000.000 đồng và lãi là 5.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 116.200 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 4.883.800 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng phí hồ sơ.

Lần 5: Ngày 13/02/2020, anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng (trừ 1.000.000 đồng tiền phí hồ sơ), lãi suất là 33,33%/ tháng. Khoản vay này anh Q đã thanh toán được 20 ngày gốc và lãi với số tiền 8.000.000 đồng (gốc là 6.000.000 đồng và lãi là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 99.600 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.900.400 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng phí hồ sơ. Anh Q còn nợ lại 10 ngày theo thỏa thuận là 4.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà anh Q phải thanh toán cho khoản vay này là 9.150.000 đồng nên anh Q còn phải thanh toán số tiền là 3.050.400 đồng.

Lần 6: Ngày 03/3/2020, anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Số tiền thực nhận là 5.000.000 đồng (trừ 1.000.000 đồng tiền phí hồ sơ và 4.000.000 đồng anh Q còn nợ của lần vay thứ 5), lãi suất là 140%/tháng. Khoản vay này anh Q đã thanh toán được 21 ngày gốc và lãi với số tiền 8.400.000 đồng (gốc là 3.500.000 đồng và lãi là 4.900.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 58.100 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 4.841.900 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng phí hồ sơ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà anh Q phải thanh toán cho khoản vay này là 5.083.333 đồng nên anh Q còn phải thanh toán số tiền là 1.525.233 đồng.

Tổng số tiền nhóm bị cáo T sử dụng cho anh Q vay là 50.000.000 đồng, trong đó số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 22.141.267 đồng tiền lãi và 6.000.000 đồng tiền phí hồ sơ. Tổng số tiền anh Q còn phải thanh toán theo quy định là 8.474.000 đồng.

7. Chị Huỳnh Thị Kim T4 vay của nhóm Lê T 05 lần cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 11/2019, chị T4 vay số tiền 20.000.000 đồng và nhận đủ 20.000.000 đồng, trả góp 30 ngày, lãi suất là 20%/tháng, mỗi ngày trả gốc và lãi 800.000 đồng. Khoản vay này chị T4 đã thanh toán được 24 ngày với số tiền 19.200.000 đồng (gốc là 16.000.000 đồng, tiền lãi là 3.200.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 265.600 đồng), số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 2.934.400 đồng. Chị T4 còn nợ lại 06 ngày theo thỏa thuận là 4.800.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị T4 phải thanh toán cho khoản vay này là 20.333.333 đồng nên chị T4 còn phải thanh toán số tiền là 4.067.733 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 12/2019, chị T4 vay số tiền 20.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng. Số tiền thực nhận là 13.400.000 đồng (trừ 4.800.000 đồng chị T4 nợ ở lần vay thứ 1, tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng và 800.000 đồng tiền phí xăng xe), lãi suất là 79,10%/tháng. Khoản vay này chị T4 đã thanh toán được 24 ngày với số tiền 19.200.000 đồng (tiền gốc là 10.720.000 đồng, tiền lãi là 8.480.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 177.952 đồng), số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 8.302.048 đồng và 1.800.000 đồng tiền phí hồ sơ và xăng xe. Chị T4 còn nợ lại 06 ngày theo thỏa thuận là 4.800.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị T4 phải thanh toán cho khoản vay này 13.623.333 đồng nên chị T4 còn phải thanh toán số tiền là 2.725.381 đồng.

Lần 3: Khoảng tháng 01/2020, chị T4 vay số tiền 20.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng. Số tiền thực nhận là 13.400.000 đồng (trừ 4.800.000 đồng chị T4 nợ ở lần vay thứ 2, tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng và 800.000 đồng tiền phí xăng xe), lãi suất là 79,10%/tháng. Khoản vay này chị T4 đã thanh toán được 24 ngày với số tiền 19.200.000 đồng (tiền gốc là 10.720.000 đồng, tiền lãi là 8.480.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 177.952 đồng), số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 8.302.048 đồng. Chị T4 còn nợ lại 06 ngày theo thỏa thuận là 4.800.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị T4 phải thanh toán cho khoản vay này 13.623.333 đồng nên chị T4 còn phải thanh toán số tiền là 2.725.381 đồng.

Lần 4: Khoảng tháng 02/2020, chị T4 vay số tiền 20.000.000 đồng; trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 800.000 đồng. Số tiền thực nhận là 13.400.000 đồng (trừ 4.800.000 đồng chị T4 nợ ở lần vay thứ 3, tiền phí hồ sơ 1.000.000 đồng và 800.000 đồng tiền phí xăng xe), lãi suất là 79,10%/tháng. Khoản vay này chị T4 đã thanh toán được 24 ngày với số tiền 19.200.000 đồng (tiền gốc là 10.720.000 đồng, tiền lãi là 8.480.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 177.952 đồng), số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 8.302.048 đồng. Chị T4 còn nợ lại 06 ngày theo thỏa thuận là 4.800.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị T phải thanh toán cho khoản vay này 13.623.333 đồng nên chị T còn phải thanh toán số tiền là 2.725.381 đồng.

Lần 5: Khoảng cuối tháng 02/2020, chị T4 vay số tiền 30.000.000 đồng; trả góp 36 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 22.700.000 đồng (trừ 1.500.000 đồng tiền phí hồ sơ, 4.800.000 đồng tiền nợ lần vay thứ 4 và 1.000.000 đồng tiền phí xăng xe), lãi suất là 48,83%/tháng. Khoản vay này chị T4 thanh toán được 22 ngày với số tiền 22.000.000 đồng (tiền gốc là 14.782.437 đồng, tiền lãi là 7.217.563 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 245.388 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 6.972.174 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị T4 phải thanh toán cho khoản vay này 23.078.333 đồng nên chị T4 còn phải thanh toán số tiền là 8.050.508 đồng.

Tổng số tiền nhóm bị cáo Tsử dụng cho chị T4 vay là 90.800.000 đồng, số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 34.812.267 đồng tiền lãi và 7.900.000 đồng tiền phí hồ sơ và xăng xe. Tổng số tiền chị T4 còn phải thanh toán theo quy định 20.294.385 đồng.

8. Chị Nguyễn Thị Tuyết V vay của nhóm Lê T số tiền 5.000.000 đồng vào giữa tháng 3/2020, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.500.000 đồng (trừ 500.000 đồng tiền phí xăng xe), lãi suất là 41,67%/tháng. Chị V đã trả được 7 ngày với số tiền 1.750.000 đồng (tiền gốc là 1.235.294 đồng, tiền lãi là 514.706 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 20.506 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 494.200 đồng tiền lãi và 500.000 đồng tiền phí xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị V phải thanh toán cho khoản vay này là 4.575.000 đồng nên chị V còn phải thanh toán số tiền là 3.319.200 đồng.

9. Anh Kiều Văn D vay của Hoàng Xuân T1 số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng, lãi suất là 20%/ tháng. Số tiền thực nhận là 15.000.000 đồng. Anh D đã trả được 02 ngày với số tiền 1.200.000 đồng (tiền gốc là 1.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 16.600 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 183.400 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà anh D phải thanh toán cho khoản vay này là 15.250.000 đồng nên anh D còn phải thanh toán số tiền là 14.233.400 đồng.

10. Chị K' N vay của nhóm T số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 2/2020, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng. Số tiền thực nhận là 9.600.000 đồng (trừ tiền phí xăng xe 400.000 đồng), lãi suất là 25%/tháng. Chị K'N đã trả được 28 ngày với số tiền 11.200.000 đồng (tiền gốc là 8.960.000 đồng, tiền lãi là 2.240.000 đồng,

trong đó tiền lãi theo quy định là 148.736 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 2.091.264. đồng tiền lãi và 400.000 đồng tiền phí xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà chị K'N phải thanh toán cho khoản vay này là 9.760.000 đồng nên chị K'N còn phải thanh toán số tiền là 651.264 đồng.

11. Anh Nguyễn Văn T5 vay của Hoàng Xuân T1 số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 3/2020, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.600.000 đồng (trừ tiền phí xăng xe 400.000 đồng), lãi suất là 30.43%/tháng. Anh T5 đã trả được 11 ngày với số tiền 2.200.000 đồng (tiền gốc là 1.686.667 đồng, tiền lãi là 513.333 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 28.000 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 485.335 đồng tiền lãi và 400.000 đồng tiền phí xăng xe. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà anh T5 phải thanh toán cho khoản vay này là 4.676.667 đồng nên anh T5 còn phải thanh toán số tiền là 2.962.000 đồng.

12. Bà La Thị T6 vay của Hoàng Xuân T1 số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 2/2020, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng. Số tiền thực nhận là 5.000.000 đồng, lãi suất là 25%/tháng. Bà T6 đã trả số tiền 6.000.000 đồng (tiền gốc là 4.800.000 đồng, tiền lãi là 1.200.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 79.680 đồng). Số tiền nhóm T thu lợi bất chính là 1.120.320 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền gốc và lãi vay mà bà T6 phải thanh toán cho khoản vay này là 5.083.333 đồng nên bà T6 còn phải thanh toán số tiền là 203.653 đồng.

Ngoài hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nêu trên, Lê T còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

Vào ngày 10/3/2020, Lê T dự sinh nhật tại quán Bar Rain, tại đây có một thanh niên đến bàn của T mời mua ma túy dạng thuốc lắc thì T đồng ý. Người thanh niên này cùng với T vào nhà vệ sinh của quán Bar, tại đây T mua 01 viên thuốc lắc màu cam được bỏ trong một gói nylon màu trắng trong với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được thuốc lắc, T bẻ ra sử dụng $\frac{1}{2}$ viên, $\frac{1}{2}$ viên còn lại T vẫn bỏ trong gói nylon và cất vào ví da của T để lần sau sử dụng tiếp. Đến 01 giờ 00 ngày 25/3/2020, T cùng với Hoàng Xuân T1 bị Cơ quan công an thành phố Đ đưa về trụ sở Cơ quan công an để làm việc liên quan đến hoạt động cho vay góp. Qua kiểm tra, Công an thành phố Đ phát hiện trong bóp (ví) da màu đen của T có chứa 01 gói nylon bên trong đựng mảnh viên nén màu cam, T đã khai nhận đây là ma túy dạng thuốc lắc T tàng trữ trong người để sử dụng, Công an thành phố Đ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và niêm phong gói ma túy nói trên.

Tại Bản kết luận giám định số 616/GĐ-PC09 ngày 27/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lâm Đồng xác định: Mảnh viên nén màu cam đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1538g, loại MDMA.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn xác định nhóm của Lê T còn cho 31 người khác vay tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được do thiếu thông tin cá nhân nên không tiến hành làm việc được do đó chưa có cơ sở xử lý đối với các bị cáo về những lần cho vay này.

Bản cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 17/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê T về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh B, Hoàng Xuân T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với các bị cáo.

Bị cáo Tkhai nhận số tiền sử dụng vào việc cho vay là của bị cáo, trong đó có 50.000.000 đồng tiền bị cáo B đưa cho bị cáo để cho vay, hàng tháng bị cáo sẽ gửi về quê cho gia đình bị cáo B là 3.000.000 – 4.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng này hiện bị cáo chưa trả lại cho bị cáo B. Toàn bộ số tiền cần trừ tiền phí hồ sơ, tiền xăng xe, cần trừ tiền nợ đều giao về cho bị cáo, toàn bộ số tiền thu lợi bất chính bị cáo là người quản lý và hưởng lợi số tiền này. Bị cáo có trích một phần tiền thu lợi bất chính này để trả lương cho bị cáo T1 và gửi về cho gia đình bị cáo B. Đối với số tiền dùng vào việc cho vay và tiền thu lợi bất chính bị cáo T chịu trách nhiệm theo quy định, bị cáo không yêu cầu bị cáo T1 và bị cáo B cùng chịu trách nhiệm số tiền này. Ngoài ra bị cáo T cũng khai nhận đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc lặc như cáo trạng đã nêu. Bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng.

Bị cáo B và bị cáo T1 khai nhận bị cáo và bị cáo T1 có giúp sức cho bị cáo T như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo có đưa cho bị cáo T số tiền 50.000.000 đồng để bị cáo T cho vay và thỏa thuận mỗi tháng bị cáo T gửi về cho gia đình bị cáo và bị cáo T đã gửi tiền từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2020 về cho gia đình bị cáo với số tiền là 12.000.000 đồng, ngoài ra, bị cáo B không hưởng lợi số tiền nào khác. Bị cáo T1 chỉ được bị cáo T trả tiền công mỗi tháng 6.000.000 đồng từ tháng 11/2019 đến tháng 02/2020 với số tiền là 24.000.000 đồng, ngoài ra, bị cáo T1 không hưởng lợi số tiền nào khác. Toàn bộ số tiền thu được từ những người vay, cả hai bị cáo đều mang về giao cho bị cáo T. Cả hai bị cáo đều thống nhất với nội dung bản Cáo trạng.

Các bị cáo đều không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trương Tất T3 trình bày có vay của nhóm T tổng số tiền là 58.000.000 đồng, trong đó tiền phí hồ sơ và xăng xe là 8.550.000 đồng. Anh T3 đã thanh toán gốc và lãi là 64.500.000 đồng (gốc là 44.673.869 đồng và lãi là 19.826.131 đồng và đồng ý nộp lại số tiền còn thiếu theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Tuyết V trình bày có vay của nhóm Lê T số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền thực nhận là 4.500.000 đồng (trừ 500.000 đồng tiền phí xăng xe), chị V đã trả được 7 ngày với số tiền 1.750.000 đồng (tiền gốc là 1.235.294 đồng, tiền lãi là 514.706 đồng) và đồng ý nộp lại số tiền còn thiếu theo quy định.

Anh T3 và chị V không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận với các bị cáo và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê T, Nguyễn Thanh B, Hoàng Xuân T1 về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 17/7/2020 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Lê T từ 15 - 18 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và từ 15 -18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền từ 60.000.000 đồng - 70.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Hoàng Xuân T1 từ 12 -15 tháng tù về tội. Phạt bổ sung bị cáo T1 số tiền từ 30.000.000 đồng - 40.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 09 - 12 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo B số tiền từ 30.000.000 đồng - 40.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Buộc bị cáo Lê T có trách nhiệm trả lại tổng số tiền 107.630.055 đồng cho 12 người vay tiền nói trên.

Buộc bị cáo Lê T nộp lại số tiền 264.184.166 đồng bị cáo sử dụng vào việc cho vay và số tiền lãi đã thu theo quy định là 3.778.842 đồng để tích thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc những người liên quan nộp lại số tiền còn phải thanh toán theo quy định mà những người này chưa thanh toán cho bị cáo T để tích thu sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể anh Trương Tất T3 phải nộp lại số tiền 2.804,167 đồng, chị Nguyễn Nhã K phải nộp lại số tiền 171.667 đồng, ông Đỗ Phú M phải nộp lại số tiền 3.579.167 đồng, anh Nguyễn Đình Việt Q phải nộp lại số tiền 1.150.000 đồng, chị Huỳnh Thị Kim T phải nộp lại số tiền 1.133.333 đồng, chị Nguyễn Thị Tuyết V phải nộp lại số tiền 2.825.000 đồng, anh Kiều Văn D phải nộp lại số tiền 14.050.000 đồng, anh Nguyễn Văn T5 phải nộp lại số tiền 2.476.667 đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T3, chị V không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Nhã K, chị Phan Thị Thanh Q, ông Đỗ Phú M, chị Trần Thị Lệ T2, anh Nguyễn Đình Việt Q, chị Huỳnh Thị Kim T4, anh Kiều Văn D, chị K' N, anh Nguyễn Văn T5, bà La Thị T6 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội các bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định:

Từ khoảng thời gian tháng 10/2019 đến tháng 03/2020, lợi dụng sự thiếu hiểu biết về pháp luật và hoàn cảnh khó khăn của người dân có nhu cầu cần vay tiền nhanh, không cần thế chấp tài sản, bị cáo Lê Tùng với bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Hoàng Xuân T1 đã thực hiện hành vi cho 12 người dân trên địa bàn thành phố Đ là chị Nguyễn Nhã K, chị Phan Thị Thanh Q, ông Đỗ Phú M, chị Trần Thị Lệ T2, anh Nguyễn Đình Việt Q, chị Huỳnh Thị Kim T4, anh Trương Tất T3, chị Nguyễn Thị Tuyết V, anh Kiều Văn D, chị K'N, anh Nguyễn Văn T5, bà La Thị T6 vay tiền với hình thức vay trả góp cả gốc và lãi hàng ngày cho đến lúc trả xong khoản tiền đã vay và chỉ cần thế chấp giấy tờ tùy thân. Tổng số tiền mà nhóm bị cáo T sử dụng để cho 12 người vay nói trên là 326.000.000 (ba trăm hai mươi sáu triệu) đồng, với lãi suất giao động từ 20%/ tháng đến 140%/tháng tương ứng từ 240%/ năm đến 1.680%/ năm, cao hơn mức lãi suất vay theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự từ 12 đến 84 lần và thu lợi bất chính tổng số tiền là 143.919.055 (một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng (bao gồm 107.630.055 đồng tiền lãi vượt quá quy định và 36.289.000 đồng tiền phí hồ sơ và xăng xe mà các bị cáo thu của người vay tiền). Hành vi của các bị cáo Lê T, Nguyễn Thanh B, Hoàng Xuân T1 thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài ra khi bị bắt giữ, khám xét Cơ quan điều tra còn thu giữ trong người bị cáo Lê T 01 gói nylon màu trắng trong, kích thước (3x5) có khóa dạng kẹp nhựa, bên trong có chứa 01 mảnh viên nén màu cam với mục đích để sử dụng. Tại Bản kết luận giám định số 616/GĐ-PC09 ngày 27/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh

Lâm Đồng xác định: Mảnh viên nén màu cam đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1538g, loại MDMA(MDMA là chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng, nằm trong Danh mục I, STT: 27 Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).Hành vi của bị cáo Lê T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự mà mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn xác định nhóm của Lê T còn cho 31 người khác vay tiền, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được do thiếu thông tin cá nhân, không tiến hành làm việc được với những người vay tiền này nên chưa có cơ sở xử lý đối với các bị cáo về những lần cho vay này là đúng theo quy định.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả ba bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo B và bị cáo T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo B có mẹ ruột là bà Phạm Thị T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, gia đình bị cáo B đã tự nguyện nộp một phần tiền thu lợi bất chính của bị cáo B là 20.000.000 đồng, gia đình bị cáo T và bị cáo T1 đã tự nguyện nộp một phần tiền thu lợi bất chính của bị cáo T là 5.000.000 đồng, bị cáo T1 là 5.000.000 đồng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo T và điểm, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo B và bị cáo T1 để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét thấy hiện nay, hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, làm ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Bản thân các bị cáo đều là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà các bị cáo đã cố ý thực hiện là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn; gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Lê T trong hoạt động “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thì bị cáo là người giữ vai trò chính, là người tổ chức việc cho vay, quản lý chung và là người rủ rờ, lôi kéo hai bị cáo B và T1 thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời là người cung cấp vốn để thực hiện việc cho vay và hưởng lợi toàn bộ số tiền thu lợi bất chính bao gồm khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật, tiền các bị cáo thu phí

hồ sơ và tiền phí xăng xe của người vay tiền nên vai trò của bị cáo T là cao nhất và phải chịu mức án nghiêm khắc, cao hơn bị cáo B và T1. Bên cạnh đó bị cáo T còn thực hiện hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hành vi này của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và là hành vi mang tính nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương góp phần gia tăng các tệ nạn xã hội bởi nghiện ma túy là một trong những nguyên nhân hình thành mầm mống các tội phạm khác. Bản thân bị cáo cũng biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo Lê T, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng một mức án nghiêm khắc, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Hoàng Xuân T1 trong hoạt động “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thì cả hai bị cáo đều là người có vai trò giúp sức và thực hành tích cực và được bị cáo B trả tiền công hàng tháng. Bị cáo B có góp số tiền 50.000.000 đồng cùng bị cáo T để sử dụng vào việc cho vay lãi nặng, nhưng bị cáo B không hưởng lợi trực tiếp từ số tiền 50.000.000 đồng này như bị cáo T mà chỉ được bị cáo T trích một phần tiền thu lợi bất chính để trả công cho bị cáo B tuy nhiên số tiền bị cáo B hưởng lợi là ít hơn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự hơn bị cáo T1 nên hình phạt áp dụng đối với hai bị cáo là bằng nhau. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo B và bị cáo T1, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly cả hai bị cáo B và bị cáo T1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, xét thấy các bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả ba bị cáo.

Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xét thấy bị cáo Lê T không hưởng lợi nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không phạt bổ sung đối với bị cáo Lê T là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với số tiền gốc 326.000.000 đồng bị cáo T sử dụng vào việc cho vay, tiền lãi theo quy định bị cáo thu là 3.778.842 đồng, xét thấy đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Số tiền mà những người vay chưa trả cho bị cáo là 66.918.308 đồng nên buộc bị cáo T nộp lại số tiền 259.081.694 đồng và 3.778.842 đồng, tổng cộng là 262.860.536 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng gia đình bị cáo T đã tự nguyện nộp

tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ nên bị cáo T còn phải nộp số tiền là 257.860.536 đồng.

Đối với số tiền 36.289.000 đồng tiền phí hồ sơ và xăng xe là khoản tiền bị cáo T thu lợi bất chính. Trong số tiền thu lợi bất chính này bị cáo T có trích ra số tiền 12.000.000 đồng trả công cho bị cáo B và 24.000.000 đồng trả công cho bị cáo T1 nên buộc bị cáo T nộp lại số tiền thu lợi bất chính còn lại là 289.000 đồng.

Buộc bị cáo B nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 12.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo B đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ nên trả lại cho bị cáo B số tiền còn lại là 8.000.000 đồng.

Buộc bị cáo T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 24.000.000 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng gia đình bị cáo T1 đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ nên bị cáo T1 còn phải nộp số tiền là 19.000.000 đồng.

[7.2]. Buộc bị cáo Lê T phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính 107.630.055 đồng là khoản tiền lãi vượt quá quy định, cụ thể: trả lại cho chị Nguyễn Nhã K số tiền 5.303.497 đồng, chị Phan Thị Thanh Q số tiền 10.452.200 đồng, ông Đỗ Phú M số tiền 5.422.340 đồng, chị Trần Thị Lệ T2 số tiền 6.038.969 đồng, anh Nguyễn Đình Việt Q số tiền 22.141.267 đồng, chị Huỳnh Thị Kim T4 số tiền 34.812.718 đồng, anh Trương Tất T3 số tiền 19.084.546 đồng, chị Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 494.200 đồng, anh Kiều Văn D số tiền 183.400 đồng, chị K' N số tiền 2.091.264 đồng, anh Nguyễn Văn T5 số tiền 485.335 đồng, bà La Thị T6 số tiền 1.120.320 đồng.

[7.3]. Quá trình điều tra đã xác định, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Lê T nhưng hiện chưa trả cho bị cáo với tổng số tiền là 66.918.308 đồng. Xét thấy đây là số tiền bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Buộc chị Nguyễn Nhã K phải nộp lại số tiền là 2.537.664 đồng, chị Phan Thị Thanh Q phải nộp lại số tiền là 3.052.200 đồng, ông Đỗ Phú M phải nộp lại số tiền là 4.739.000 đồng, chị Trần Thị Lệ T2 phải nộp lại số tiền là 1.594.800 đồng, anh Nguyễn Đình Việt Q phải nộp lại số tiền là 8.474.600 đồng, chị Huỳnh Thị Kim T4 phải nộp lại số tiền là 20.294.385 đồng, anh Trương Tất T3 phải nộp lại số tiền là 4.856.132 đồng, chị Nguyễn Thị Tuyết V phải nộp lại số tiền là 3.319.200 đồng, anh Kiều Văn D phải nộp lại số tiền là 14.233.400 đồng, chị K' N phải nộp lại số tiền là 651.264 đồng, anh Nguyễn Văn T5 phải nộp lại số tiền là 2.962.000 đồng, bà La Thị T6 phải nộp lại số tiền là 203.653 đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- 01 (một) máy vi tính xách tay hiệu ASUS màu bạc; 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng – Imei:353313079176202; 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – số seri:355849093995976; 02 (hai) máy điện thoại di động hiệu Nokia màu đen – số seri:355127075088262 và 352877107626140; 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Samsung màu đen – Imei:35886808098689401 thu giữ của

các bị cáo T, B và T1. Đây là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lê T 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Lê T, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh B 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh B, trả lại cho bị cáo T1 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Xuân T1.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh đã qua sử dụng, BKS:15B1-800.03 hiện chưa xác định được chủ sở hữu. Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh là đúng quy định.

- 01 (một) phong bì niêm phong số 616/2020. Mặt trước phong bì ghi: “Vụ: Lê T-1994. HKTT: đường N, phường T, Quận H, Hải Phòng. QĐTC: 109, 25/3/2020. Bao gói vật chứng. Mặt sau chữ ký, họ tên của: Trần Đình H; Phạm Thị D; Hoàng Thị Thanh H; đóng dấu tròn, đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng. Đây là bao gói vật chứng sau giám định nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) ví da cầm tay màu đen bề mặt có logo hình mặt người bị cáo T sử dụng để cất giấu ma túy, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Lê T phạm các tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; các bị cáo Nguyễn Thanh B, Hoàng Xuân T1 phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Lê T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2020.

- Xử phạt bổ sung Lê T số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Nguyễn Thanh B 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2020.

- Xử phạt bổ sung Nguyễn Thanh B số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt Hoàng Xuân T112 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2020.

- Xử phạt bổ sung Hoàng Xuân T1 số tiền 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Lê T nộp lại tổng số tiền 263.149.563 (*hai trăm sáu mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi ba*) đồng (bao gồm: 259.081.694 đồng là tiền bị cáo T sử dụng vào việc cho vay, 3.778.842 đồng là tiền lãi đã thu theo quy định, 289.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ phí hồ sơ và xăng xe sau khi đã trừ tiền trả cho bị cáo B và T1) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng gia đình bị cáo T đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001474 ngày 08/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) nên bị cáo T còn phải nộp số tiền là 258.149.563 (*hai trăm năm mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi ba*) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 12.000.000 (*mười hai triệu*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng mà gia đình bị cáo B đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001453 ngày 23/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đt, tỉnh Lâm Đồng) nên trả lại cho bị cáo B số tiền còn lại là 8.000.000 (*tám triệu*) đồng.

- Buộc bị cáo Hoàng Xuân T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 24.000.000 (*hai mươi bốn triệu*) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng gia đình bị cáo T1 đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001475 ngày 08/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) nên bị cáo T1 còn phải nộp số tiền là 19.000.000 (*mười chín triệu*) đồng.

- Buộc chị Nguyễn Nhã K phải nộp lại số tiền là 2.537.664 đồng, chị Phan Thị Thanh Q phải nộp lại số tiền là 3.052.200 đồng, ông Đỗ Phú M phải nộp lại số tiền là 4.739.000 đồng, chị Trần Thị Lệ T2 phải nộp lại số tiền là 1.594.800 đồng, anh Nguyễn Đình Việt Q phải nộp lại số tiền là 8.474.600 đồng, chị Huỳnh Thị Kim T4 phải nộp lại số tiền là 20.294.385 đồng, anh Trương Tất T3 phải nộp lại số tiền là 4.856.132 đồng, chị Nguyễn Thị Tuyết V phải nộp lại số tiền là 3.319.200 đồng, anh Kiều Văn D phải nộp lại số tiền là 14.233.400 đồng, chị K'N phải nộp lại số tiền là 651.264 đồng, anh Nguyễn Văn T5 phải nộp lại số tiền là 2.962.000 đồng, bà La Thị T6 phải nộp lại số tiền là 203.653 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê T có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Nhã K số tiền 5.303.497 đồng, chị Phan Thị Thanh Q số tiền 10.452.200 đồng, ông Đỗ Phú M số tiền 5.422.340 đồng, chị Trần Thị Lệ T2 số tiền 6.038.969 đồng, anh Nguyễn Đình Việt Q số tiền 22.141.267 đồng, chị Huỳnh Thị Kim T4 số tiền 34.812.718 đồng, anh Trương Tất T3 số tiền 19.084.546 đồng, chị Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 494.200

đồng, anh Kiều Văn D số tiền 183.400 đồng, chị K'N số tiền 2.091.264 đồng, anh Nguyễn Văn T5 số tiền 485.335 đồng, bà La Thị T6 số tiền 1.120.320 đồng.

3.2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy vi tính xách tay hiệu ASUS màu bạc; 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng – Imei:353313079176202; 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – số seri:355849093995976; 02 (hai) máy điện thoại di động hiệu Nokia màu đen – số seri:355127075088262 và 352877107626140; 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Samsung màu đen – Imei:35886808098689401 thu giữ của các bị cáo T, B và T1. Đây là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lê T 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Lê T, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh B 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh B, trả lại cho bị cáo T1 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Xuân T1.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 616/2020. Mặt trước phong bì ghi: “Vụ: Lê T-1994. HKTT: đường N, phường T, quận H, Hải Phòng. QĐTC: 109, 25/3/2020. Bao gói vật chứng. Mặt sau chữ ký, họ tên của: Trần Đình H; Phạm Thị D; Hoàng Thị Thanh H; đóng dấu tròn, đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng và 01 (một) ví da cầm tay màu đen bề mặt có logo hình mặt người.

(Có đặc điểm theo các biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/7/2020 và ngày 28/8/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo T, B, T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T3, chị V có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị K, chị Q, ông M, chị T2, anh Q, chị T4, anh D, chị K' N, anh T5, bà T6 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đ;
- Công an TP. Đ;
- THADS TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Lệ Quyên

